

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLST-DS ngày 29/6/2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C1.

Địa chỉ: 108 T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Th-Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Anh Q, sinh năm 1961-Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C1-Chi nhánh G.

Địa chỉ: 01 T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn H1, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1960; ông Lê Tiến D, sinh năm 1985; chị Lê Thị Phương D1, sinh năm 1987; anh Lê Tiến Tr, sinh năm 1987; anh Lê Tiến H2, sinh năm 1993; chị Lê Tiến Th1, sinh năm 1995; chị Lê Thị Phương Tr1, sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn H1, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Ông A uỷ quyền cho bà Ng tham gia tố tụng; chị D1, anh Tr, anh H2, chị Th1, chị Tr1 uỷ quyền cho anh D và bà Ng tham gia tố tụng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng đã được các bên giao kết:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc A công nhận tính đến ngày 31/8/2021, bà Ng và Ông A còn nợ của

nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C1 số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 31/8/2021 là 818.831.701 đồng, tổng cộng là **3.018.831.701** đồng. Theo hợp đồng tín dụng số 5/2019-HĐCV/NHCT500-NGUYEN THI NGAI ngày 11/01/2019 và số 655/2018-HĐCV/NHCT500-NGUYEN THI NGAI ngày 28/6/2018.

2.2. Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C1 thông qua Ngân hàng TMCP C1-Chi nhánh G số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 31/8/2021 là 818.831.701 đồng, tổng cộng là **3.018.831.701** đồng, vào ngày **31/12/2021**. Trong trường hợp đến ngày 31/12/2021, bà Ng và Ông A có trả cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C1 số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng thì Ngân hàng sẽ tạo điều kiện cho bà Ng và Ông A trả dần số tiền nợ gốc và lãi còn lại hoặc cơ cấu lại nợ theo thỏa thuận của hai bên. Nếu đến ngày 31/12/2021, bà Ng và Ông A không thực hiện việc trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành tất cả các khoản tiền mà bị đơn là Nguyễn Thị Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày hòa giải thành là ngày 31/8/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Việc tính lãi, lãi suất trong hạn và quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Nếu đến thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận nêu trên, mà bị đơn là bà Nguyễn Thị Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai xử lý các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5/2019/HĐBD/NHCT500 ngày 10/01/2019 và số 834/HĐTC ngày 27/6/2017, đã được công chứng và đăng ký thế chấp đúng theo quy định của pháp luật, để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 15, thửa đất số 59a, có địa chỉ tại thôn P1, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN439245 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 20/12/2013.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 00, thửa đất số 28, có địa chỉ tại thôn H3, xã N, huyện C1 (nay là thôn H3, thị trấn N, huyện C), tỉnh Gia Lai. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK610692 do UBND huyện C1, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/10/2007.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 12, thửa đất số 47, 48, có địa chỉ tại thôn P2, xã C2, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA447781 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 08/7/2010.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 12, thửa đất số 35, có địa chỉ tại thôn P2, xã C2, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK964155 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 20/9/2012.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 23c, thửa đất số 15, có địa chỉ tại xã N, huyện C1 (nay là thị trấn N, huyện C), tỉnh Gia Lai. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T244923 do UBND huyện C1, tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/3/2001.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 23a, thửa đất số 124a, có địa chỉ tại thôn P3, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM481187 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/10/2012.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 21, thửa đất số 110+112a, có địa chỉ tại thôn P2, xã C2, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK964153 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 20/9/2021.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 12, thửa đất số 54, có địa chỉ tại thôn P2, xã C2, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK730555 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/10/2012.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 12, thửa đất số 49, có địa chỉ tại thôn P2, xã C2, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT342478 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/06/2014.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất thuộc tờ bản đồ số 21, thửa đất số 55, có địa chỉ tại thôn P2, xã C2, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT342479 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/06/2014.

Trường hợp bà Ng và Ông A đã thanh toán hết nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn thì nguyên đơn có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Ng và Ông A các giấy tờ tài sản thế chấp là bản gốc các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Ng và Ông A chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng. Bà Ng và Ông A có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP C1 thông qua Ngân hàng TMCP C1-Chi nhánh G số tiền 7.000.000 đồng, vào ngày 31/12/2021.

(Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả khi thi hành án đối với khoản tiền này).

2.4. Về án phí:

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Buộc bà Ng và Ông A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **46.188.317** đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C1 thông qua Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh G số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 45.641.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0006294 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- CC THADS huyện Chư Pưh;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ